

Số: 834-11/22-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

2/ Địa chỉ: Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/11/2022

4/ Loại mẫu : Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA

BẢNG KẾT QUẢ ĐO TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)
1. Phân xưởng sản xuất Urea	65
2. Cảng nhập nguyên liệu 500.000 tấn	69
3. Phân xưởng đóng gói	67
4. Phân xưởng sản xuất amonia	68
5. Cảng xuất sản phẩm	66
6. Phân xưởng phân bón phức hợp	67
7. Ống khói sau tháp rửa khí	69
8. Ống khói bộ phận đóng bao	65
9. Ống khói Z29101	66
10. Ống khói Z04201	65
11. Ống khói Z07601	66
QCVN 26:2010/BTNMT	≤ 70

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số: 834-11/22-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

2/ Địa chỉ: Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/11/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	NH ₃ *	JIS K0099:2004-IC	JIS K0099:2004-IC	0,23 mg/Nm ³
6	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	NH ₃
Nguồn thải	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Ổng khói Z29101 (Đo tại nguồn thải)	48	KPH	KPH	96,7	KPH
Ổng khói Z04201 (Đo tại nguồn thải)	44	KPH	KPH	88,3	KPH
Ổng khói Z07601 (Đo tại nguồn thải)	50	KPH	KPH	90,2	KPH
QCVN 19: 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn Cột B (Kv= 1; Kp=0,8)	160	800	400	680	40
QCVN 21: 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B, Kp =0,8 và Kv = 1)	160	-	400	680	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện (<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy


KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/15

Số: 834-11/22-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

2/ Địa chỉ: Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/11/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	NH ₃ *	JIS K0099:2004-IC	JIS K0099:2004-IC	0,23 mg/Nm ³
3	Tổng florua (F)*	US.EPA Method 13A	US EPA Method 13A	0,026 mg/Nm ³
4	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI (tương tự bản trên)

Chỉ tiêu	Bụi	NH ₃	Tổng Florua
Nguồn thải	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Ống khói sau tháp rửa khí (Đo tại nguồn thải)	65	5,82	0,66
Ống khói bộ phận đóng bao (Đo tại nguồn thải)	65	6,13	0,74
QCVN 19: 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn Cột B (Kv= 1; Kp=0,8))	160	40	16
QCVN 21: 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B, Kp =0,8 và Kv = 1)	160	40	40

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC




ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số: 834-11/22-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

2/ Địa chỉ: Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2)			Phương pháp phân tích
					Cột A	Cột B	Giấy phép số 3195/GP-BTNMT	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (31,2 ⁰ C)	-	6,75	2 ÷ 12,5	-	-	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ **	mg/L	21	1,0	-	-	40,5	TCVN 6001-1:2008
3	TSS**	mg/L	22	5,0	-	-	81	SMEWW 2540.D: 2017
4	S ²⁻ *	mg/L	KPH	0,015	-	-	0,4	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	1,03	0,011	-	-	8,1	TCVN 6179-1:1996
6	Tổng N*	mg/L	11,6	0,02	-	-	32,4	SMEWW 4500-N.C:2017
7	Tổng P**	mg/L	0,95	0,017	-	-	3,24	TCVN 6202: 2008
8	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,26	0,01	6	-	-	TCVN 6622-1:2009
9	TDS*	mg/L	215	0 ÷ 1.999	-	1.200	-	SMEWW 2540C:2017
10	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,2	0,3	12	-	-	SMEWW 5520.B&F: 2017
11	Coliform*	MPN/100mL	1.700	2	3.000	-	-	TCVN 6187-2:1996
12	Lưu lượng*	m ³ /h	2,9	0 ÷ 219600	-	-	10	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy



**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/15

Sô: 834-11/22-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

2/ Địa chỉ: Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Kq = 0,9, Kf = 0,9)			Phương pháp phân tích
					Cột A	Cột B	Giấy phép số 3195/GP-BTNMT	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,5 ⁰ C)	-	6,84	2 ÷ 12,5	-	5,5 - 9	-	TCVN 6492:2011
2	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	12,7	1,5	-	121,5	-	SMEWW 2120.C:2017
3	BOD ₅ **	mg/L	24	1,0	-	40,5	-	TCVN 6001-1:2008
4	COD**	mg/L	60	2,0	-	121,5	-	SMEWW 5220.C: 2017
5	TSS**	mg/L	31	5,0	-	81	-	SMEWW 2540.D: 2017
6	As*	mg/L	KPH	65×10 ⁻⁵	-	-	0,04	TCVN 6626:2000
7	Hg*	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	-	-	0,008	TCVN 7877:2008
8	Pb*	mg/L	KPH	0,0021	0,081	-	-	SMEWW 3113.B: 2017
9	Cd*	mg/L	KPH	13×10 ⁻⁵	-	0,081	-	SMEWW 3113.B: 2017
10	Fe*	mg/L	0,54	0,05	-	4,05	-	SMEWW 3111.B:2017
11	Cu*	mg/L	KPH	0,016	1,62	-	-	SMEWW 3111B: 2017
12	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	2,0	0,3	-	8,1	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
13	S ²⁻ *	mg/L	KPH	0,015	-	-	0,4	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
14	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	KPH	0,011	-	8,1	-	TCVN 6179-1:1996

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

5/15

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Kq = 0,9, Kf = 0,9)			Phương pháp phân tích
					Cột A	Cột B	Giấy phép số 3195/GP-BTNMT	
15	Tổng N*	mg/L	10,63	0,02	-	32,4	-	SMEWW 4500-N.C:2017
16	Tổng P**	mg/L	0,41	0,017	3,24	-	-	TCVN 6202:2008
17	Clo dư*	mg/L	KPH	0,038	0,81	-	-	SMEWW 4500-Cl.G:2017
18	Coliform*	MPN/100mL	1.400	2	3.000	-	-	TCVN 6187-2:1996
19	Lưu lượng*	m ³ /h	6,8	0 ÷ 219600	-	-	100	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



Số: 834-11/22-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

2/ Địa chỉ: Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhiễm Amo

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Kq = 0,9, Kf = 0,9)			Phương pháp phân tích
					Cột A	Cột B	Giấy phép số 3195/GP-BTNMT	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (30,7°C)	-	6,71	2 ÷ 12,5	-	5,5 - 9	-	TCVN 6492:2011
2	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	12,1	1,5	-	121,5	-	SMEWW 2120.C:2017
3	BOD ₅ **	mg/L	21	1,0	-	40,5	-	TCVN 6001-1:2008
4	COD**	mg/L	50	2,0	-	121,5	-	SMEWW 5220.C: 2017
5	TSS**	mg/L	31	5,0	-	81	-	SMEWW 2540.D: 2017
6	As*	mg/L	KPH	65×10 ⁻⁵	-	-	0,04	TCVN 6626:2000
7	Hg*	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	-	-	0,008	TCVN 7877:2008
8	Pb*	mg/L	KPH	0,0021	0,081	-	-	SMEWW 3113.B: 2017
9	Cd*	mg/L	KPH	13×10 ⁻⁵	-	0,081	-	SMEWW 3113.B: 2017
10	Fe*	mg/L	0,56	0,05	-	4,05	-	SMEWW 3111.B:2017
11	Cu*	mg/L	KPH	0,016	1,62	-	-	SMEWW 3111B: 2017
12	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,1	0,3	-	8,1	-	SMEWW 5520.B&F: 2017
13	S ²⁻ *	mg/L	KPH	0,015	-	-	0,4	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
14	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	1,35	0,011	-	8,1	-	TCVN 6179-1:1996
15	Tổng N*	mg/L	9,34	0,02	-	32,4	-	SMEWW 4500-N.C:2017
16	Tổng P**	mg/L	0,75	0,017	3,24	-	-	TCVN 6202: 2008

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

7/15

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Kq = 0,9, Kf = 0,9)			Phương pháp phân tích
					Cột A	Cột B	Giấy phép số 3195/GP-BTNMT	
17	Clo dư*	mg/L	KPH	0,038	0,81	-	-	SMEWW 4500-CI.G:2017
18	Coliform*	MPN/100mL	2.000	2	3.000	-	-	TCVN 6187-2:1996
19	Lưu lượng*	m ³ /h	4,1	0 ÷ 219600	-	-	5	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



Số: 834-11/22-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

2/ Địa chỉ: Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra chung của 03 HTXL NT nhiễm dầu, nhiễm NH₃, sinh hoạt

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT Kq = 0,9, Kf = 0,9			Phương pháp phân tích
					Cột A	Cột B	Giấy phép số 3195/GP-BTNMT	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	Nhiệt độ*	°C	31,1	4÷50	-	-	40	SMEWW 2550.B:2017
2	pH* (31,1 ⁰ C)	-	6,67	2 ÷12,5	-	5,5 - 9	-	TCVN 6492:2011
3	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	Pt/Co	12,4	1,5	-	121.5	-	SMEWW 2120.C:2017
4	BOD ₅ **	mg/L	18	1,0	-	40,5	-	TCVN 6001-1:2008
5	COD**	mg/L	31	2,0	-	121,5	-	SMEWW 5220.C: 2017
6	TSS**	mg/L	30	5,0	-	81	-	SMEWW 2540.D: 2017
7	TDS*	mg/L	172	0÷1.999	-	-	1200	SMEWW 2540C:2017
8	As*	mg/L	KPH	65×10 ⁻⁵	-	-	0,04	TCVN 6626:2000
9	Hg*	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	-	-	0,008	TCVN 7877:2008
10	Pb*	mg/L	KPH	0,0021	0,081	-	-	SMEWW 3113.B: 2017
11	Cd*	mg/L	KPH	13×10 ⁻⁵	-	0,081	-	SMEWW 3113.B: 2017
12	Fe*	mg/L	0,66	0,05	-	4,05	-	SMEWW 3111.B:2017
13	Cu*	mg/L	KPH	0,016	1,62	-	-	SMEWW 3111B: 2017
14	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,6	0,3	-	8,1	-	SMEWW 5520.B& F: 2017

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

9/15



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT Kq = 0,9, Kf = 0,9			Phương pháp phân tích
					Cột A	Cột B	Giấy phép số 3195/GP-BTNMT	
15	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,0	0,3	-	-	12	SMEWW 5520.B&F: 2017
16	S ²⁻ *	mg/L	KPH	0,015	-	-	0,4	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
17	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	1,21	0,011	-	8,1	-	TCVN 6179-1:1996
18	Tổng N*	mg/L	11,60	0,02	-	32,4	-	SMEWW 4500-N.C:2017
19	Tổng P**	mg/L	0,72	0,017	3,24	-	-	TCVN 6202: 2008
20	Clo dư*	mg/L	KPH	0,038	0,81	-	-	SMEWW 4500-Cl.G:2017
21	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,21	0,01	-	-	6	TCVN 6622-1:2009
22	Coliform*	MPN/100mL	2.600	2	3.000	-	-	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số: 834-11/22-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)
NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

2/ Địa chỉ: Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải tại vị trí trên kênh thoát nước chung trước khi xả ra sông Ông Đốc

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT Kq = 0,9, Kf = 0,9			Phương pháp phân tích
					Cột A	Cột B	Giấy phép số 3195/GP-BTNMT	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	Nhiệt độ*	°C	30,6	4÷50	-	-	40	SMEWW 2550.B:2017
2	pH** (30,6°C)	-	6,72	2 ÷ 12,5	-	5,5 - 9	-	TCVN 6492:2011
3	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	Pt/Co	14,6	1,5	-	121.5	-	SMEWW 2120.C:2017
4	BOD ₅ **	mg/L	14	1,0	-	40,5	-	TCVN 6001-1:2008
5	COD*	mg/L	30	2,0	-	121,5	-	SMEWW 5220.C: 2017
6	TSS**	mg/L	18	5,0	-	81	-	SMEWW 2540.D: 2017
7	TDS*	mg/L	254	0÷1.999	-	-	1200	SMEWW 2540C:2017
8	As*	mg/L	KPH	65×10 ⁻⁵	-	-	0,04	TCVN 6626:2000
9	Hg*	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	-	-	0,008	TCVN 7877:2008
10	Pb*	mg/L	KPH	0,0021	0,081	-	-	SMEWW 3113.B: 2017
11	Cd*	mg/L	KPH	13×10 ⁻⁵	-	0,081	-	SMEWW 3113.B: 2017
12	Cu*	mg/L	KPH	0,016	-	4,05	-	SMEWW 3111B: 2017
13	Fe*	mg/L	0,25	0,05	1,62	-	-	SMEWW 3111.B:2017
14	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,2	0,3	-	8,1	-	SMEWW 5520.B&F: 2017
15	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,1	0,3	-	-	12	SMEWW 5520.B&F: 2017

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

11/15



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT Kq = 0,9, Kf = 0,9			Phương pháp phân tích
					Cột A	Cột B	Giấy phép số 3195/GP-BTNMT	
16	S ²⁻ *	mg/L	KPH	0,015	-	-	0,4	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
17	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	0,56	0,011	-	8,1	-	TCVN 6179-1:1996
18	Tổng N*	mg/L	4,92	0,02	-	32,4	-	SMEWW 4500-N.C:2017
19	Tổng P**	mg/L	0,33	0,017	3,24	-	-	TCVN 6202: 2008
20	Clo dư*	mg/L	KPH	0,038	0,81	-	-	SMEWW 4500-Cl.G:2017
21	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,20	0,01	-	-	6	TCVN 6622-1:2009
22	Coliform*	MPN/100mL	1.700	2	3.000	-	-	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (<MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



Số: 834-11/22-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

2/ Địa chỉ: Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/11/2022

4/ Loại mẫu : Nước mặt trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía thượng lưu và hạ lưu so với điểm xả thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 08-MT : 2015/BTNMT		Phương pháp phân tích
			Thượng lưu	Hạ lưu		B1	B2	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước mặt *	-	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018
1	pH**	-	6,68	6,73	2 ÷ 12,5	5,5-9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	°C	28,1	28,6	4÷50	-	-	SMEWW 2550.B:2017
3	TSS**	mg/L	12	15	5,0	50	100	SMEWW 2540.D: 2017
4	TDS*	mg/L	365	374	0÷1.999	-	-	SMEWW 2540C:2017
5	COD*	mg/L	11	14	2,0	30	50	SMEWW 5220.C: 2017
6	BOD5**	mg/L	5	7	1,0	15	25	TCVN 6001-1:2008
7	Tổng N*	mg/L	5,41	5,83	0,02	-	-	SMEWW 4500-N.C:2017
8	Tổng P**	mg/L	KPH	KPH	0,017	-	-	TCVN 6202: 2008
9	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	KPH	KPH	0,011	0,9	0,9	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	KPH	KPH	0,3	-	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
11	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	0,87	0,91	0,3	-	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
12	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	KPH	KPH	0,01	0,4	0,5	TCVN 6622-1:2009
13	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	9,5	10,6	1,5	-	-	SMEWW 2120.C:2017
14	As*	mg/L	KPH	KPH	65×10 ⁻⁵	0,05	0,1	TCVN 6626:2000
15	Hg*	mg/L	KPH	KPH	25×10 ⁻⁵	0,001	0,002	TCVN 7877:2008

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

13/15



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 08-MT : 2015/BTNMT		Phương pháp phân tích
			Thượng lưu	Hạ lưu		B1	B2	
16	Cd*	mg/L	KPH	KPH	13×10^{-5}	0,01	0,01	SMEWW 3113.B:2017
17	Pb*	mg/L	KPH	KPH	0,0021	0,05	0,05	SMEWW 3113.B: 2017
18	Fe*	mg/L	KPH	KPH	0,05	1,5	2	SMEWW 3111.B:2017
19	Cu*	mg/L	KPH	KPH	0,016	0,5	1	SMEWW 3111.B: 2017
20	S ²⁻ *	mg/L	KPH	KPH	0,015	-	-	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
21	Clo dư*	mg/L	KPH	KPH	0,038	-	-	TCVN 6224:1996
22	Coliform*	MPN/100mL	940	1.100	2	7.500	10.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (<MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



Số: 834-11/22-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

2/ Địa chỉ: Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu : 18/11/2022

4/ Loại mẫu : Rung

5/ Phương pháp thực hiện:

Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
Độ rung	TCVN 6963:2001*	30 ÷ 130 dBA

KẾT QUẢ MỨC GIA TỐC RUNG

Điểm Đo	dBA
1. Phân xưởng sản xuất Urea	54
2. Cảng nhập nguyên liệu 500.000 tấn	58
3. Phân xưởng đóng gói	56
4. Phân xưởng sản xuất amonia	57
5. Cảng xuất sản phẩm	52
6. Phân xưởng phân bón phức hợp	60
7. Ống khói sau tháp rửa khí	59
8. Ống khói bộ phận đóng bao	58
9. Ống khói Z29101	56
10. Ống khói Z04201	56
11. Ống khói Z07601	57
QCVN 27:2010/BTNMT	≤ 70

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Chỉ tiêu Rung đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy